TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định số: 19/2024/HS-GĐT
Ngày 17 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trí Tuệ

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: ông Lê Văn Minh, ông Nguyễn Văn Dũng, ông Ngô Hồng Phúc, ông Nguyễn Biên Thùy.

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Vân Anh - Thẩm tra viên chính

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: ông Lại Viết Quang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Xuân C, xã Yên T, huyện Yên P, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: khi phạm tội là Giám đốc Công ty TNHH chế biến lương thực, thực phẩm Khang V; trình độ văn hóa: lớp 12/12; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

2. Lê Văn H, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Ấp Đ, xã Yên T, huyện Yên P, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: khi phạm tội là Đầu bếp - Tổng bếp trưởng tại bếp SEV2; trình độ văn hóa: lớp 12/12; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 03/01/2020 đến ngày 17/4/2020.

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố Tân H, phường Đồng T, thị xã Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: khi phạm tội là nhân viên bộ phận EHS Công ty S; trình độ văn hóa: lớp 12/12; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 13/3/2020.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thành N, Vũ Cao L, Nguyễn Thành L1, Vũ Trung N1, Tống Duy G, Đào Mạnh B, Nguyễn Mạnh L2 bị kết án về tội "Nhận hối lộ"; các bị cáo Nguyễn Thị T1, Phạm Thúy N2, Ngô Thị T2, Chu Bá K, Lê Thành H1, Chu Thị A, Lê Thị H2 bị kết án về tội "Đưa hối lộ".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Công ty TNHH S (Công ty S1), địa chỉ tại Khu công nghiệp Yên P, Yên T, Yên P, Bắc Ninh và Công ty TNHH S tại Thái Nguyên (Công ty S2), địa chỉ tại Khu công nghiệp Yên B, Đồng T, Phổ T, Thái Nguyên là hai công ty thuộc Tổ hợp S3. Công ty S1 và S2 ký hợp đồng với 02 công ty cung cấp suất ăn công nghiệp là Công ty TNHH W và Công ty TNHH D (gọi tắt là 02 Công ty V), bếp của 02 Công ty V đặt trong các nhà máy của SEV và SEVT.

Theo hợp đồng, có 08 người là nhân viên Phòng sức khỏe của Công ty S5 (EHS) cùng các bếp trưởng của Công ty W, Công ty D và người của đơn vị cung cấp thực phẩm chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định chất lượng thực phẩm theo tiêu chuẩn của S trước khi đưa vào bếp ăn, nếu lô hàng nào không đạt tiêu chuẩn thì sẽ bị từ chối nhập và trả lại cho bên cung cấp.

Quá trình kiểm tra nguyên liệu thực phẩm đầu vào, 08 đối tượng thuộc nhóm (EHS) là Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Vũ Cao L, Nguyễn Thành L1, Vũ Trung N1, Tống Duy G, Đào Mạnh B, Nguyễn Mạnh L2 và 02 bếp trưởng của Công ty W là Nguyễn Thành N và Lê Văn H đã lợi dụng nhiệm vụ và quyền hạn được giao, yêu cầu bên cung cấp thực phẩm đưa tiền để bỏ qua lỗi trong quá trình kiểm tra hàng hóa đầu vào các bếp ăn, các đối tượng bên phía nhà cung cấp đã phải chấp nhận chi tiền.

Kết quả điều tra xác định: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 08/01/2020, nhóm 10 đối tượng nêu trên đã nhiều lần nhận tiền của 28 người thuộc các cơ sở cung cấp thực phẩm với tổng số tiền là 8.054.212.000 đồng. Trong số 28 người có hành vi đưa hối lộ, có 08 người đã bị xử lý hình sự về tội "Đưa hối lộ" với số tiền quy kết đưa hối lộ, cụ thể:

Nguyễn Văn C với tư cách là Giám đốc Công ty TNHH chế biến lương thực, thực phẩm K (Công ty K) bị quy kết số tiền đưa hối lộ là 1.066.000.000 đồng; 07 đối tượng còn lại bị quy kết số tiền đưa hối lộ là Ngô Thị T2 186.000.000 đồng; Nguyễn Thị T1 489.000.000 đồng; Phạm Thúy N2 279.303.000 đồng; Chu Bá K 181.000.000 đồng; Lê Thành H1 176.500.000 đồng; Lê Thị H2 25.000.000 đồng; Chu Thị A 54.000.000 đồng.

Đối với nhóm đối tượng nhận hối lộ, kết quả điều tra xác định Lê Văn H nhận hối lộ số tiền 811.109.000 đồng; Nguyễn Văn T nhận hối lộ 977.500.000 đồng; Nguyễn Văn Đ nhận 2.952.000.000 đồng; Nguyễn Thành N nhận 1.700.103.000 đồng; nhóm của Vũ Cao L (gồm Vũ Cao L, Vũ Trung N1, Tống Duy G, Đào Mạnh B, Nguyễn Thành L1 và Nguyễn Mạnh L2) nhận tổng số tiền là 1.613.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HS-ST ngày 12/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh áp dụng các khoản 4, 5 Điều 364; các điểm s, t, u khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn C 07 năm tù về tội "Đưa hối lộ"; phạt bổ sung 20.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt Nguyễn Văn T 08 năm tù, Lê Văn H 07 năm 06 tháng tù về tội "Nhận hối lộ" và quyết định hình phạt khác đối với các bị cáo khác về các tội "Nhận hối lộ" và "Đưa hối lộ".

Ngày 23/9/2022, Nguyễn Văn C kháng cáo kêu oan.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 546/2023/HS-PT ngày 17/7/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Văn C, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên đối với Nguyễn Văn C. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác có kháng cáo.

Tại Quyết định Kháng nghị số 09/QĐ-VKSTC-V7 ngày 26/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 546/2023/HSPT ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, sửa một phần Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên theo hướng xác định số tiền Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự là 356.000.000 đồng, xác định lại khung hình phạt tương ứng với cấu thành tội phạm (khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự) giảm hình phạt và cho bị cáo Nguyễn Văn C được hưởng những quy định của pháp luật hình sự như các bị cáo, các đối tượng trong nhóm đưa hối lộ; sửa tổng số tiền nhận hối lộ của Lê Văn H được trừ đi 130.000.000 đồng; sửa số tiền của những người đưa hối lộ cho Nguyễn Văn T, với lý do:

"Bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm nhận định: từ ngày 08/01/2018 đến ngày 05/12/2019, Công ty K đã chuyển khoản cho nhóm đối tượng nhận hối lộ tổng số tiền 1.066.000.000 đồng; trong đó chuyển cho Vũ Cao L 258.000.000 đồng; Lê Văn H 130.000.000 đồng; Nguyễn Văn Đ 564.000.000 đồng và Nguyễn Văn T 114.000.000 đồng. Việc chuyển tiền do chị Nguyễn Thị H3, con gái ông K1, vợ C chuyển khoản hoặc do Phạm Thị L3 là nhân viên kế toán của Công ty K thực hiện theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty. Do đó, Nguyễn Văn C với tư cách là Giám đốc Công ty K phải chịu trách nhiệm toàn bộ tổng số tiền đưa hối lộ là 1.066.000.000 đồng.

Tuy nhiên, căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận thấy: từ ngày 08/01/2018 đến ngày 01/11/2018, Công ty K chuyển khoản cho nhóm đối tượng EHS số tiền 580.000.000 đồng (Nguyễn Văn Đ

369.000.000 đồng, Nguyễn Văn T 72.000.000 đồng và Vũ Cao L 139.000.000 đồng) không liên quan đến Nguyễn Văn C và khoản tiền 130.000.000 đồng chuyển cho Lê Văn H không phải là tiền đưa hối lộ, bởi lẽ:

Về khoản tiền 580.000.000 đồng: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty K và Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty W thì từ năm 2015 đến trước ngày 25/10/2018, ông Nguyễn Hữu K1 là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, chủ tài khoản của công ty là người trực tiếp ký các hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty W để cung cấp thực phẩm vào các bếp căn của Công ty W đặt tại Công ty S2 và SEVT. Mặc dù đã thay đổi Giám đốc nhưng ông K1 vẫn điều hành công ty, đến giữa tháng 11/2018 mới giao quyền điều hành công ty cho C.

Căn cứ Vi bằng số 5227/2022/VB-TPLBĐ ngày 10/11/2022, do Văn phòng Thừa phát lại B, Hà Nội xác lập thì ông Nguyễn Hữu K1, chị Nguyễn Thị H3 và bị cáo Nguyễn Văn C đều khai và khẳng định thời điểm giữa tháng 11/2018 mới chuyển giao vị trí Giám đốc công ty cho Nguyễn Văn C. Từ ngày 08/01/2018 đến ngày 01/11/2018, ông Nguyễn Hữu K1 với tư cách Giám dốc của công ty đã chỉ đạo chị Nguyễn Thị H3 là con gái ông K1 và Phạm Thị L3 kế toán công ty thực hiện việc chuyển số tiền 580.000.000 đồng cho các bị cáo nhận hối lộ. Lời khai của ông Nguyễn Hữu K1, chị Nguyễn Thị H3 phù hợp với chứng cứ vật chất xác định Nguyễn Văn C không đưa hối lộ trong khoảng thời gian từ ngày 08/01/2018 đến ngày 01/11/2018 với số tiền là 580.000.000 đồng. Vì thời gian này, C chưa phải là Giám đốc và việc chuyển số tiền này do ông Nguyễn Hữu K1 chỉ đạo Nguyễn Thị H3, Phạm Thị L3 chuyển khoản cho các bị cáo nhận hối lộ. Đến ngày 01/11/2019, Nguyễn Văn C mới ký Hợp đồng số 39/HĐMB/2019 với Công ty D, nên Nguyễn Văn C chỉ phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền 356.000.000 đồng.

Về khoản tiền 130 triệu đồng chuyển khoản cho Lê Văn H:

Căn cứ Hợp đồng số 01.12.2017/HĐHT ngày 01/12/2017 giữa Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H3 về việc hỗ trợ, hướng dẫn làm thực đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyễn Văn C và Lê Thị H4 đều khai đây là số tiền Nguyễn Văn C trả công cho Lê Văn H theo hợp đồng ký kết giữa Lê Văn H và Nguyễn Thị H3 mà C nhờ đứng tên hợp đồng về việc hướng dẫn, hỗ trợ lên thực đơn cho Hợp tác xã Minh V do Nguyễn Văn C là Chủ nhiệm. Lời khai của C, H, H3 phù hợp với chứng cứ vật chất là Hợp đồng số 01.12.2017/HĐHT này 01/12/2017. Do vậy, không có căn cứ xác định số tiền 130.000.000 đồng Nguyễn Văn C đưa là tiền hối lộ.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quy kết bị cáo Nguyễn Văn C đưa hối lộ với tổng số tiền là 1.066.000.000 đồng, trong đó bao gồm 02 khoản tiền nêu trên là không có căn cứ, dẫn đến việc áp dụng khung hình phạt và quyết định mức hình phạt quá nặng và không đúng tính chất, mức độ hành

vi phạm tội của bị cáo. Nếu trừ 02 khoản tiền nêu trên, số tiền đưa hối lộ Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự chỉ còn 356.000.000 đồng thuộc khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt từ 02 năm tù đến 07 năm. Hình phạt 07 năm tù đối với C là quá nặng và không công bằng so với 07 bị cáo đã bị xét xử về tội "Đưa hối lộ" với mức hình phạt từ 24 tháng tù đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo (trong đó Nguyễn Thị T1 đưa hối lộ 489.000.000 đồng; Phạm Thúy N2 đưa hối lộ 209.000.000 đồng) và cũng không công bằng so với các đối tượng đưa hối lộ chưa được điều tra, xử lý đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, phải giảm trừ số tiền 130.000.000 đồng cho Lê Văn H vì không phải là tiền nhận hối lộ của Nguyễn Văn C mà đây là tiền công làm thực đơn.

Ngoài ra, trong bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm nhận định số tiền bị cáo Nguyễn Văn T nhận hối lộ là 977.500.000 đồng, nhưng ở phần nhận định số tiền những người đưa hối lộ cho bị cáo T cộng lại là 967.500.000 đồng là có chênh lệch giữa số tiền đưa và nhận hối lộ cần được xác định lại cho chính xác".

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Công ty K ký hợp đồng cung cấp thực phẩm cho Công ty S1 và Công ty S2. Do quy định của Công ty S khi đưa thực phẩm vào bếp ăn phải qua bộ phận EHS kiểm tra nên C (là Giám đốc Công ty K) đã đưa tiền cho nhân viên bộ phận EHS là Vũ Cao L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn T để các đối tượng này tạo điều kiện cho C khi nhập thực phẩm. Ngoài ra, C còn đưa tiền cho Lê Văn H và Nguyễn Thành N là đầu bếp của Công ty để H và N điều chỉnh bữa ăn để có thể sử dụng nhiều thực phẩm của Công ty K. Số tiền các bị cáo quy kết đưa hối lộ và nhận hối lộ là 8.054.212.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm kết án Nguyễn Văn C về tội "Đưa hối lộ", Lê Văn H, Vũ Cao L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh N3 về tội "Nhận hối lộ" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ:

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ và Vũ Cao L đều thừa nhận L, Đ và T là những người có vai trò quyết định trong việc kiểm tra chất lượng, số lượng, tiêu chuẩn hàng hóa thực phẩm nhập vào bếp Công ty S4, nên C đã đưa tiền để L, Đ và T tạo điều kiện giúp đỡ doanh nghiệp không gây khó khăn cho việc nhập hàng hóa. Ngoài ra, C còn đưa tiền cho Lê Văn H và Nguyễn Thành N (là bếp trưởng tại Công ty S1) để H và N điều chỉnh bữa ăn có thể sử dụng nhiều thực phẩm của Công ty C1. Kết luận điều tra và Cáo trạng

quy kết Nguyễn Văn C đưa hối lộ cho Vũ Cao L 258.000.000 đồng, Lê Văn H số tiền 130.000.000 đồng, Nguyễn Thành N số tiền 175.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ số tiền 546.000.000 đồng, Nguyễn Văn T số tiền 114.000.000 đồng. Tổng số tiền Chiến đưa hối lộ là 1.241.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét trừ đi khoản tiền Chiến chuyển cho Nguyễn Thành N 175.000.000 đồng vì cho rằng đây là tiền Chiến trả tiền mua cá của bố vợ N. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định C đưa hối lộ số tiền 1.066.000.000 đồng và xử phạt Nguyễn Văn C 07 năm tù về tội "Đưa hối lộ" theo khoản 4 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, C cung cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty K thể hiện từ năm 2015 đến ngày 25/10/2018, Công ty K do ông Nguyễn Hữu K1 (bố vợ C) làm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty; ngoài ra, C còn cung cấp Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty W và Công ty K do ông Nguyễn Hữu K1 ký với tư cách là Giám đốc Công ty. Ngày 25/10/2018, Công ty K thay đổi giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, do Nguyễn Văn C làm Giám đốc nhưng trên thực tế, C chỉ nhận công việc từ ngày 01/11/2018. Theo lời trình bày của C, trong khoảng thời gian trước ngày 25/10/2018, ông Nguyễn Hữu K1 là Giám đốc, điều hành mọi hoạt động của Công ty K. Việc Cơ quan điều tra xác định C chỉ đạo đưa hối lộ với số tiền 580.000.000 đồng (trong khoảng thời gian từ 08/01/2018 đến 01/11/2018) cho bộ phận EHS của S là không đúng; sau khi C nhận bàn giao (vào giữa tháng 11/2018), ông K1 mới nói với C cảm ơn nhóm nhập nguyên liệu để làm ăn yên ổn nên C đã chuyển tiền cho các đối tượng nói trên; từ tháng 11/2018 đến tháng 01/2020 (khi Cơ quan Công an có thông báo) thì tổng số tiền C chuyển để cảm ơn cho các đối tượng là 356.000.000 đồng.

Lời khai của Nguyễn Văn C phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Hữu K1 về việc trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến ngày 01/11/2018, trong quá trình nhập hàng vào Công ty S, ông K1 là người chỉ đạo việc chi tiền bồi dưỡng cho nhân viên của Công ty này để không bị gây khó dễ khi nhập hàng số tiền khoảng 580.000.000 đồng (lấy từ doanh thu của Công ty). Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị H3 (con gái ông K1, vợ của C) cũng khai: trong thời gian làm Giám đốc, ông Nguyễn Hữu K1 có chỉ đạo chị H3 chuyển khoản cho các đối tác kinh doanh của Công ty K số tiền 580.000.000 đồng (chuyển cho L, Đ, T), còn chuyển về mục đích gì thì chị H3 không biết.

Đối với số tiền 130.000.000 đồng C đưa cho Lê Văn H: sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Văn C và Lê Văn H cung cấp Hợp đồng hợp tác (ký giữa Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H3 ngày 01/12/2017) thể hiện nội dung H hợp tác làm thực đơn cho chị H3, số tiền 130.000.000 đồng mà chị Nguyễn Thị H3 chuyển cho H là tiền công làm thực đơn. Sau đó, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xác minh, lấy

lời khai của chị Nguyễn Thị H3, Lê Văn H và Nguyễn Văn C thì cả C, chị H3 và H đều khai nhận đây là tiền Chiến nhờ H làm thực đơn, không phải là số tiền C chuyển cho H để H tạo điều kiện cho Công ty K cung cấp thực phẩm cho bếp ăn của Công ty S như Cáo trạng đã quy kết.

Như vậy, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm xuất hiện những tình tiết có ý nghĩa rất quan trọng cần phải làm rõ. Cụ thể, do các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra vụ án đều không thể hiện trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến 01/11/2021 việc đưa hối lộ là do ông K1 chỉ đạo nên trong quá trình giải quyết vụ án chưa xem xét làm rõ hành vi vi phạm và vai trò của ông K1 trong vụ án (nếu có). Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cũng chưa làm rõ Hợp đồng hợp tác giữa Nguyễn Văn C và Lê Văn H để xác định chính xác việc C chuyển tiền cho H nhằm mục đích để H tạo điều kiện cho Công ty K cung cấp thực phẩm cho Công ty S hay đây là số tiền Công ty K trả công cho H trong việc làm thực đơn theo hợp đồng hợp tác được ký giữa H3 (vợ C) với H. Những tình tiết nêu trên là căn cứ quan trọng để đánh giá đúng tính chất, mức độ sai phạm và vai trò của Nguyễn Văn C trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyễn Văn C đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh C chỉ đưa hối lộ số tiền 356.000.000 đồng; tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm Lê Văn H đều xuất trình Hợp đồng chứng minh H không nhận hối lộ của Công ty K số tiền 130.000.000 đồng, nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm không đánh giá kỹ các tình tiết này và không hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại, để làm rõ vai trò của ông K1, xác định chính xác số tiền đưa hối lộ của Nguyễn Văn C và số tiền nhận hối lộ của Lê Văn H, là sai lầm trong việc giải quyết vụ án.

Ngoài ra, theo lời khai của các nhà cung cấp thực phẩm thì số tiền các nhà cung cấp đưa hối lộ cho Nguyễn Văn T là 967.500.000 đồng, nhưng Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm xác định số tiền nhận hối lộ của T là 977.500.000 đồng là chưa chính xác và cần được xác định lại.

Từ những vấn đề nêu trên, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc xem xét lại số tiền nhận hối lộ của Nguyễn Văn T là có căn cứ. Tuy nhiên, cần điều tra lại để làm rõ số tiền đưa hối lộ của Nguyễn Văn C, số tiền nhận hối lộ của Lê Văn H và vai trò của ông Nguyễn Hữu K1 trong vụ án (như đã phân tích ở trên). Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 382; khoản 3, khoản 5 Điều 388; Điều 391; Điều 393 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 09/QĐ-VKSTC-V7 ngày 26/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 546/2023/HS-PT ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh về phần trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn C, Lê Văn H để điều tra lại.

3. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh về phần quyết định tịch thu sung Ngân sách toàn bộ số tiền thu lợi bất chính đối với Nguyễn Văn T như sau:

Nguyễn Văn T phải nộp 967.500.000 đồng, xác nhận bị cáo T đã nộp tổng cộng 756.200.000 đồng (106.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000379 ngày 21/4/2022 và số AA2021/0000400 ngày 06/6/2022; 500.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA2021/0000514 ngày 18/8/2022; 150.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000527 ngày 23/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh do bà Lê Thị L4 và anh Nguyễn Văn T3 nộp thay), Nguyễn Văn T còn phải nộp tiếp 211.300.000 đồng./.

Nơi nhận:
- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC - Vụ 7 (kèm hồ sơ vụ án);
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo Nguyễn Văn C (theo địa chỉ);
- Bị cáo Lê Văn H (Trại giam Yên H thuộc Cục C10 - Bộ Công an;
- Bị cáo Nguyễn Văn Tiến (Trại giam Phú S 4 thuộc Cục C10 - Bộ Công an);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: Vụ GĐKT1 (2b), Vụ PC & QLKH, Ban Thanh tra TANDTC, TKTP, VP (TANDTC).

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trí Tuệ